TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 13 – 01 – 2025
"Về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: bà Biện Thị Uyển Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Mai Thị H, sinh năm 1968, nơi cư trú: xóm E, thôn D, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh Kim D, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Giang H1, sinh năm 1983; cùng nơi cư trú: xóm D, thôn E, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận *(Bà H1 vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phạm L, sinh năm 1968, nơi cư trú: xóm E, thôn D, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

Bà Mai Thị H và ông Phạm L là vợ chồng. Bà H, ông L không có quan hệ bà con huyết thống với bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1, ông Nguyễn Thanh Kim D mà chỉ quen biết nhau.

Trước đây bà H, ông L có bán lúa khô cho bị đơn bà H1, ông D; quá trình mua bán; bà H1, ông D không thanh toán đủ tiền mua lúa. Đến ngày 15/7/2021, hai bên thỏa thuận chốt nợ, thống nhất: bà H1, ông D còn nợ bà H, ông L 100.000.000đồng tiền mua lúa, đồng thời chuyển số tiền này thành tiền cho vay, xem như bà H, ông L cho bà H1, ông D vay 100.000.000đồng với mức lải suất 2%/tháng, trả lải hàng tháng. Sau đó bà H1, ông D chỉ trả tiền lãi được khoảng vài tháng thì ngưng trả lải cho đến nay và cũng không trả tiền nợ gốc. Do đó, hiện nay bà H1, ông D còn nợ bà H, ông L 100.000.000đồng tiền mua lúa và tiền lãi phát sinh. Vì vậy hiện nay bà H yêu cầu giải quyết buộc bà H1, ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H, ông L 100.000.000đồng tiền mua lúa; bà H không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra bà H không có yêu cầu nào khác.

[2]. Theo lời khai, ý kiến trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1 trình bày nội dung như nội dung nguyên đơn bà Mai Thị H đã trình bày tại mục [1] nêu trên. Ngoài ra bị đơn bà H1 còn trình bày: Hiện nay bà H1 đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn ông Nguyễn Thanh Kim D trả cho bà H, ông L 100.000.000đồng tiền mua lúa còn nợ. Ngoài ra bà H1 không có yêu cầu nào trong vụ án.

[3] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Thanh Kim D không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn ông D.

[4]. Theo lời khai, ý kiến trong quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm L trình bày nội dung như nội dung nguyên đơn bà Mai Thị H đã trình bày tại mục [1] nêu trên. Ngoài ra ông L không có yêu cầu nào trong vụ án.

[5] Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 tờ giấy (loại giấy kẽ ô li – Giấy vỡ học sinh), có chữ viết tay bằng mực màu xanh trên 01 trang giấy, ghi ngày 15/7/2021, phía dưới có 02 chữ ký lần lượt ghi tên Nguyễn Thị Giang H1, Nguyễn Trung B.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh ở địa phương xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận về việc cư trú của bị đơn ông Nguyễn Thanh Kim D và lập các Biên bản xác minh ngày 20/10/2024.

[6]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Mai Thị H; buộc bà Nguyễn Thị Giang H1, ông Nguyễn Thanh Kim D có

nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị H, ông Phạm L 110.000.000đồng; buộc buộc bà Nguyễn Thị Giang H1, ông Nguyễn Thanh Kim D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, tất cả các đương sự đều vắng mặt. Tuy nhiên nguyên đơn bà Mai Thị H, bị đơn chị Nguyễn Thị Giang H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Lạc Đ đã đơn xin xét xử vắng mặt; còn bị đơn Nguyễn Thanh Kim D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000đồng chưa thanh toán phát sinh từ hợp đồng mua bán lúa mà hai bên đã xác lập vào năm 2021, ngoài ra không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* căn cứ theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu trả số tiền 100.000.000đồng của nguyên đơn bà Mai Thị H, Hội đồng xét xử nhận định:

Các đương sự đều thừa nhận: Trước đây bà Mai Thị H, ông Phạm L và bị đơn bà Nguyễn Thị Giang H1, ông Nguyễn Thanh Kim D đã tự nguyện xác lập hợp đồng bán lúa khô với nhau; quá trình mua bán, bà H1 và ông D không thanh toán đủ tiền mua lúa; đến ngày 15/7/2021, hai bên thỏa thuận chốt nợ, thống nhất bà H1, ông D còn nợ bà H, ông L 100.000.000đồng tiền mua lúa và đến nay bà H1, ông D chưa trả khoản tiền này. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự;

do đó có căn cứ xác định được các bên đương sự đã xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán lúa khô và hiện nay còn nợ số tiền 100.000.000đồng như nội dung nêu trên.

Các bên tham gia giao dịch đều có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; pháp luật không quy định hợp đồng phải được lập thành văn bản và phải công chứng, chứng thực. Do đó hợp đồng nêu trên đã đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà H1, ông D là vợ chồng. Khoản nợ bà H, ông L 100.000.000đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H1, ông D; bị đơn bà H1 xác định khoản nợ 100.000.000đồng này là nợ chung của vợ chồng bà H1, ông D; trong quá trình tố tụng, bị đơn ông D không tham tố tụng để trình bày ý kiến, thực hiện quyền của mình về nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó, ông D, bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H, ông L 100.000.000đồng tiền mua lúa chưa thanh toán, căn cứ theo khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn bà H về việc buộc ông D, bà H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H, ông L 100.000.000đồng tiền mua lúa chưa thanh toán là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 117, 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên dược chấp nhận.

[3.2] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H được chấp nhận toàn bộ. Vì vậy cần căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: xử buộc bà Nguyễn Thị Giang H1, ông Nguyễn Thanh Kim D có nghĩa vụ liên đới chịu án toàn bộ phí dân sự sơ thẩm trong vụ án; trả lại cho bà Mai Thị H tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 117, 430 và khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H: buộc bà Nguyễn Thị Giang H1, ông Nguyễn Thanh Kim D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị H, ông Phạm Lạc S tiền là 100.000.000đồng *(Một trăm triệu đồng).*

[2] Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Giang H1, ông Nguyễn Thanh Kim D có nghĩa vụ liên đới nộp 5.000.000đồng *(Năm triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị H 2.500.000đồng *(Hai triệu năm trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006271 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Khánh